

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRẠM DỪNG NGHỈ SƠN THÁI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRẠM DỪNG NGHỈ SƠN THÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON THAI REST AREA INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107632428

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, ngách 20, ngõ 19, đường Trần Xuân Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; | 4659     |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4931     |
| 6.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299     |
| 9.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5021     |
| 10. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5022     |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động rà phá bom mìn và các hoạt động tương tự)                                                                                                                                                      | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                          | 8230(Chính) |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                        | 5210        |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                   | 5224        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                              | 5229        |
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                      | 5621        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                          | 5510        |
| 22. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùm để nghỉ tạm                                                                                                                                      | 5590        |
| 23. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn dầu thô<br>Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan<br>Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan<br>Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác | 4661        |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                | 4662        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                            | 4663        |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                          | 4210        |
| 27. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                       | 4220        |
| 28. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                    | 4322        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM QUỐC HÙNG   | Số nhà 115A, phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 11,111    | 140449855                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 11,111    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI THUY ANH     | Số 78, ngõ 211, phố Khương Trung, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 11,111    | 012800468                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 11,111    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN CHIẾN | Phố Hàm Long 1, Phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 700.000    | 7.000.000.000         | 77,778    | 173347365                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                   | Tổng số           | 700.000    | 7.000.000.000         | 77,778    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 30/06/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 173347365

Ngày cấp: 01/08/2008

Nơi cấp: Công an Tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phố Hàm Long 1, Phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phố Hàm Long 1, Phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội